

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH HÀ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 tháng 7 năm 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hữu và ông Lê Xuân Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Bạch Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện VKSND huyện Thạch Hà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm. Kiểm sát viên.

Vào hồi 15 giờ 45 phút ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 47/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25/5/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST – HNGĐ ngày 14/7/2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Công chức chức. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau vào ngày 06/11/2013 có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạch Vĩnh (nay là xã L), huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thôn V, xã L, huyện H đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, từ đầu năm 2022 đến nay, hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị Th đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Còn anh H ở nhà bố mẹ anh H sau đó đi làm ăn ở trong miền nam. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được

nên chị Th làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Hải Đ, sinh ngày 03/12/2014. Chị Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện H đã hai lần thông qua người nhà anh Nguyễn Văn H là ông Nguyễn Hồng Q (bố đẻ anh H) yêu cầu cung cấp địa chỉ của anh H để Tòa án thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng đồng thời yêu cầu anh H trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th nhưng gia đình không cung cấp địa chỉ. Mặt khác, ông Q đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và cam đoan đã thông báo cho anh H biết, đồng thời cung cấp thông tin: Sau khi kết hôn, anh H và chị Th sống chung với gia đình ông, quá trình vợ chồng anh H chị Th chung sống có mâu thuẫn, cãi vã, từ đầu năm 2022 đến nay chị Th đưa con về nhà ngoại sinh sống. Anh H đã biết việc Tòa án nhân dân huyện H đang thụ lý giải quyết việc ly hôn giữa chị Th và anh H, anh H cũng nhất trí ly hôn, tuy nhiên do điều kiện công tác nên anh H không thể về tham gia phiên tòa cũng như các buổi làm việc của Tòa án được. Việc giải quyết như thế nào là do Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật.

Tòa án đã trao đổi trực tiếp qua điện thoại với anh Nguyễn Văn H, qua đó anh H cho biết đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh cũng nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 48, 49, 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, trình tự thủ tục thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ kịp thời các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án; có bản tự khai thể hiện đầy đủ ý kiến của mình về các vấn đề liên quan của vụ án. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nhưng đã biết được các nội dung liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng không có lý do chính đáng nên Tòa án đủ căn cứ giải quyết vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Qua nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th về việc ly hôn anh Nguyễn Văn H.

+ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Văn Hải Đ, sinh ngày 03/12/2014 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Th không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã có mặt và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập nhưng đã được thông tin đầy đủ về nội dung yêu cầu khởi kiện, được tiếp cận toàn bộ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp; việc bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập không có lý do chính đáng nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật. Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất vào ngày 14/7/2022 và phiên tòa lần thứ 2 vào ngày 29/7/2022 nhưng cả hai lần bị đơn đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, đủ căn cứ xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc, đảm bảo điều kiện kết hôn và Đ ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau. Từ đầu năm 2022 đến nay, chị Th đã đưa con chung của vợ chồng về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Còn anh H đi làm ăn tại miền nam, hai người không còn liên lạc thể hiện tình cảm, trách nhiệm với nhau nữa, tình cảm đối với anh H không còn nên chị Nguyễn Thị Th kiên quyết xin ly hôn. Anh Nguyễn Văn H mặc dù không có văn bản, tuy nhiên thông qua người nhà của anh H và trao đổi qua điện thoại với Tòa án đã xác nhận mâu thuẫn vợ chồng và đồng ý ly hôn. Ông Nguyễn Hồng Q cũng thừa nhận quá trình chị Th, anh H chung sống với gia đình ông, hai vợ chồng cũng có mâu thuẫn, có cãi vã, từ đầu năm 2022 đến nay, chị Th đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống.

Hội đồng xét xử nhận định, chị Th và anh H đã không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng là “*Thương yêu, chung Th, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ*”

nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác” (Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014). Mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

[2.2] *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Hải Đ, sinh ngày 03/12/2014.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng.

Hiện nay, cháu Đ đang sinh sống với chị Th và có đơn nguyện vọng được ở với mẹ. Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần tiếp tục giao con chung cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm hay cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu nên Tòa án không xem xét

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Th là người khởi kiện nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39, Điều 91, Điều 96, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235; Điều 266 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; 57; 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. *Về quan hệ nuôi con chung*: Giao con chung là cháu Nguyễn Văn Hải Đ, sinh ngày 03/12/2014 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm

ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai số 0009836, ngày 25/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA Dân sự huyện H;
- UBND xã L (để xóa Đ ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Huệ